

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGỌC HIỂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2019/HNGĐ - ST
Ngày 28 - 6 - 2019
V/v tranh chấp về nuôi con sau khi
ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC HIỂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hoàng Tỷ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Minh Chiến.

Bà Bùi Ngọc Dung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Lợi là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Hiển tham gia phiên tòa: Ông Hồng Quang P – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 68/2019/TLST- HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2019 về tranh chấp về nuôi con sau khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48A/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2019 và thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 06/TB – TA ngày 27/6/2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Lê Thanh D, sinh năm 1983; cư trú tại: Ấp B, xã N, huyện U, tỉnh Cà Mau (Có mặt).

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1989; cư trú tại: Ấp N, xã V, huyện N, tỉnh Cà Mau (Vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Nguyễn Duy P, sinh năm 1969; cư trú tại Ấp N, xã V, huyện N, tỉnh Cà Mau (Có mặt).

2/ Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1975; cư trú tại Ấp N, xã V, huyện N, tỉnh Cà Mau (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 20 tháng 3 năm 2019 và biên bản hòa giải ngày 21 tháng 5 năm 2019 anh Lê Thanh D trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị M tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2009 có đăng ký kết hôn với nhau theo quy định của pháp luật. Nhưng do mâu thuẫn gia đình nên chị M đã yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và vụ việc đã được Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm theo bản án số 56A/2013/HNGĐ – PT ngày 24/9/2013 Tòa án đã giải quyết cho anh và chị M ly hôn với nhau. Về phần con chung là cháu Lê Thanh D1, sinh ngày 01/11/2010 giao cho chị M nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con. Sau khi ly hôn khoảng 6 tháng chị M có về sống chung lại với anh. Trong quá trình chung sống anh phát hiện chị M đã bị bệnh tâm thần phân liệt, không đủ điều kiện nuôi con, đến khoảng tháng 9/2018 thì chị M dẫn con đi đâu không biết. Nên từ đó chị M không đủ điều kiện để nuôi con, nhằm để cho cháu D1 phát triển bình thường như mọi đứa trẻ khác nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị M phải giao con là cháu Lê Thanh D1, sinh ngày 01/11/2010 cho anh được trực tiếp nuôi dưỡng, ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Tại bản tự khai, biên bản làm việc và đơn xin vắng mặt ngày 05/6/2019 chị Nguyễn Thị M trình bày: Chị và anh Lê Thanh D kết hôn với nhau năm 2009 có đăng ký kết hôn với nhau theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên đến năm 2013 thì chị và anh D đã ly hôn với nhau theo bản án số 56A/2013/HNGĐ – PT ngày 24/9/2013 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau. Về con chung hiện nay chị và anh D có một người con chung tên Lê Thanh D1, sinh ngày 01/11/2010 hiện nay đang sống cùng chị. Sau khi ly hôn với anh D chị là người trực tiếp nuôi con từ đó đến nay. Hiện nay cháu D1 vẫn phát triển bình thường về mọi mặt, chị đủ điều kiện để nuôi con. Từ khi ly hôn đến nay chị là người trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh D1 cấp dưỡng nuôi con, chị đủ khả năng thu nhập kinh tế nuôi con.

Anh D cho rằng sức khỏe của chị không đảm bảo để nuôi con, chị bị bệnh Tâm thần phân liệt thể hoang tưởng không đủ điều kiện để nuôi con theo chị như vậy là không chính xác, phù hợp. Chị có bệnh hay không bản thân chị tự biết, sức khỏe của chị rất tốt, đủ điều kiện về sức khỏe cũng như điều kiện về kinh tế để nuôi con. Thực tế từ trước đến nay chị không cần và không yêu cầu anh D1 cấp dưỡng nuôi con. Từ đó tôi không đồng ý giao con lại cho anh D nuôi dưỡng. Chị xác định hiện nay vì điều

kiện công việc nên chị đề nghị xin Tòa án được vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, chị vẫn bảo lưu ý kiến đã trình bày và không khiếu nại về việc vắng mặt của mình.

Tại biên bản hòa giải ngày 21 tháng 5 năm 2019 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Duy P trình bày: Chị Nguyễn Thị M là con ruột tôi đã lớn và đã tự lập riêng. Hiện nay chị M và cháu D1 đi đâu và ở đâu bản thân tôi không biết. Còn về cháu Lê Thanh D1, sinh ngày 01/11/2010 theo ông được biết hiện nay chị M đang nuôi dưỡng. Nay anh D yêu cầu nuôi con tôi không có ý kiến gì, nếu chị M và cháu D1 có nguyện vọng hay muốn ở với ai thì người đó nuôi. Ngoài ra tôi không có ý kiến gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị B trình bày: Đồng ý với quan điểm của chồng bà là ông Nguyễn Duy P và không có ý kiến gì khác.

Tại biên bản làm việc và đơn nguyện vọng ngày 05/6/2019 Cháu Lê Thanh D1 có ý kiến như sau: Hiện nay con đang ở với mẹ con là chị Nguyễn Thị M. Từ trước tới giờ con sống với mẹ con nên con có nguyện vọng được tiếp tục ở với mẹ con là Nguyễn Thị M. Nguyên nhân con muốn được ở với mẹ là do mẹ thương yêu, chăm sóc, lo lắng cho con. Từ nhỏ đến nay con ở với mẹ con nên con có nguyện vọng tiếp tục được ở với mẹ con. Đây là nguyện vọng của con, không ai ép buộc, rất mong Tòa án xem xét chấp nhận theo yêu cầu của con.

Tại phiên tòa ngày hôm nay: Anh Lê Thanh D, ông Nguyễn Duy P, bà Nguyễn Thị B có mặt vẫn bảo lưu quan điểm.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Hiến tham gia phiên tòa: Vụ án được Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiến thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền, việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia Tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án được thực hiện đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu nuôi con sau khi ly hôn của anh Lê Thanh D đối với chị Nguyễn Thị M. Hiện nay cháu Lê Thanh D1 đang sống cùng chị M giao cho chị Muội tiếp tục nuôi dưỡng. Anh Lê Thanh D không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh D được thăm nom, chăm sóc con theo luật định. Anh D phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Vụ án tranh chấp yêu cầu nuôi con sau khi ly hôn giữa nguyên đơn anh Lê Thanh D và bị đơn chị Nguyễn Thị M Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiến thụ lý giải quyết là đúng theo thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Chị Nguyễn Thị M có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị M tại phiên tòa.

[3] Xét về yêu cầu nuôi con của anh Lê Thanh D: Căn cứ và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay xác định anh Lê Thanh D và chị Nguyễn Thị M kết hôn với nhau năm 2009 có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Tại bản án số 56A/2013/HNGĐ – PT ngày 24/9/2013 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau đã có hiệu lực pháp luật Quyết định chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị M với anh Lê Thanh D. Về phần con chung các đương sự có quyền thỏa thuận việc nuôi con, nếu không thỏa thuận được thì khởi kiện yêu cầu giải quyết thành vụ kiện khác. Theo nội dung yêu cầu của nguyên đơn anh D từ khi ly hôn đến nay chị M là người trực tiếp nuôi con tuy nhiên anh xác định chị M hiện nay bị bệnh tâm thần phân liệt thể hoang tưởng, không đủ điều kiện nuôi con. Hiện nay anh D và chị không còn sống chung, chị M dẫn con đi nơi khác sinh sống, anh không liên lạc được. Từ đó anh xác định chị muội không đủ điều kiện để nuôi con, nhằm tạo điều kiện cho cháu D1 phát triển bình thường như mọi đứa trẻ khác do đó anh yêu cầu chị M giao con lại cho anh nuôi dưỡng.

Tại biên bản làm việc ngày 05/6/2019 chị Nguyễn Thị M thể hiện từ khi ly hôn với anh D đến nay chị là người trực tiếp nuôi con tên Lê Thanh D1. Chị không thống nhất đối với yêu cầu giao con lại cho anh D nuôi dưỡng. Chị xác định hiện nay chị không mắc bệnh như anh D trình bày, sức khỏe và điều kiện kinh tế của chị đảm bảo việc nuôi con và thực tế từ khi ly hôn đến nay chị vẫn chăm sóc, thương yêu con và cháu D vẫn phát triển bình thường.

Tại biên bản làm việc và đơn nguyện vọng ngày 05/6/2019 cháu Lê Thanh D1 thể hiện từ trước đến nay cháu vẫn sống chung với mẹ là chị Nguyễn Thị M, mẹ quan tâm, thương yêu, chăm sóc con do đó cháu có nguyện vọng được tiếp tục sống cùng chị mẹ.

[4] Hội đồng xét xử nhận định: Về hôn nhân hiện nay anh Lê Thanh D và chị Nguyễn Thị M đã ly hôn. Anh Lê Thanh D cho rằng chị Nguyễn Thị M mắc bệnh tâm thần phân liệt thể hoang tưởng không đủ điều kiện để nuôi con tuy nhiên anh D không cung cấp được chứng cứ chứng minh cụ thể chị M bị bệnh, không đủ điều kiện về sức khỏe để nuôi con, bị mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự mà chỉ cung cấp được hồ sơ khám bệnh tại phòng khám chuẩn đoán bệnh của chị M năm 2015; năm 2016. Điều đó chưa có đủ cơ sở xác định hiện nay chị M bị bệnh, không đủ điều kiện về sức khỏe, kinh tế để nuôi con. Mặc khác từ khi ly hôn đến nay chị M là người trực tiếp

nuôi con, chị không cần anh D tiếp giúp chị trong kinh tế để nuôi con, sức khỏe chị vẫn đảm bảo bảo việc nuôi con và thực tế hiện nay cháu Danh vẫn phát triển bình thường.

Đối với cháu Lê Thanh D1, sinh ngày 01/11/2010 hiện nay đã trên bảy tuổi và có nguyện vọng được tiếp tục sống cùng chị Nguyễn Thị M, từ trước đến nay cháu D1 vẫn sống với mẹ, vẫn phát triển bình thường. Để đảm bảo sự phát triển bình thường, quyền lợi về mọi mặt của cháu D1 cần tiếp tục để chị M nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình. Từ những nhận định nêu trên xét thấy có đủ cơ sở nên không chấp nhận yêu cầu yêu cầu nuôi con sau khi ly hôn của anh Lê Thanh D đối với chị Nguyễn Thị M. Anh Lê Thanh D không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền năm nom, chăm sóc con theo luật định.

[5] Về án phí: Do không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên nguyên đơn phải chịu án phí theo khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[6] Các đương sự có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh chị Nguyễn Thị M tại phiên tòa.

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Áp dụng Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu nuôi con sau khi ly hôn của anh Lê Thanh D đối với chị Nguyễn Thị M.

Giao 01 người con tên Lê Thanh D1, sinh ngày 01/11/2010 hiện nay đang sống cùng chị M cho chị Muội tiếp tục nuôi dưỡng. Anh Lê Thanh D không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Lê Thanh D không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc và giáo dục con không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng quyền thăm con để gây ảnh hưởng đến việc nuôi con của chị Nguyễn Thị M.

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch anh Lê Thanh D phải chịu 300.000 đồng. Anh Lê Thanh D đã dự nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005653 ngày 20/3/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Hiến được chuyển thu.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Ngọc Hiến;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện N;
- UBND xã V, huyện N;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hoàng Tỷ

